

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 26 /2018/HĐXD

Công trình : Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III – Block F
Hạng mục : Phân nhân công xây dựng
Địa điểm : Phường Hiệp Thành, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Hôm nay, ngày 20 tháng 09 năm 2018, tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Đầu tư Bình Dương, chúng tôi gồm gồm:

Bên giao thầu (dưới đây gọi tắt là bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ BÌNH DƯƠNG

Đại diện là: Bà **Đặng Thị Tuyết Trinh** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ : Số 02 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, TP.TDM, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274.3 822 936 **Fax** : 0274.3 822 936

Số TK: 6501.00000.00017 tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bình Dương

MST: 3700145599

Bên nhận thầu (dưới đây gọi tắt là bên B):

CÔNG TY TNHH TM – DV -- XÂY DỰNG ĐỨC LONG HẢI

Đại diện là: Ông **Vi Đức Hải** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số 12 đường số 15, Khu 7, tổ 105, Khu dân cư Hiệp Thành III, phường Hiệp Thành, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0933.662.855 **Fax** :

Số TK : 65310000435586 tại Ngân hàng BIDV – CN Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

MST: 3702699112

Cùng thỏa thuận lập hợp đồng giao nhận thầu với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc

1. Bên A đồng ý giao thầu và bên B đồng ý nhận thầu thực hiện việc: “Phần nhân công xây dựng” Công trình **Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III – Block F**, đồng thời duy trì tất cả các công việc đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện công việc đến khi kết thúc.

2. Bên B thực hiện các công việc nêu trên theo Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt hoặc các thay đổi được chấp thuận bởi Bên A do bên A cung cấp (các bản vẽ, các thay đổi phải có chữ ký xác nhận của BCH mới được triển khai thi công); dưới sự điều hành, hướng dẫn và giám sát của Ban quản lý dự án, Ban chỉ huy công trình, tư vấn giám sát của Bên A.

Điều 2: Vật tư và nhân công, máy thi công:

1. Vật tư và coffa thi công:

a. Vật tư: Vật tư chính: do bên A cung cấp, khối lượng phù hợp với khối lượng công việc thi công thực tế.

- Vật tư phụ: do bên B chịu.

b. Coffa: do bên B chịu.

2. Nhân công, máy thi công:

a. Nhân công: do bên B tự huy động và điều hành đảm bảo đáp ứng đủ tiến độ công việc theo yêu cầu. Trong từng thời điểm, nếu có dấu hiệu trễ tiến độ, khi BCH công trình yêu cầu tăng nhân lực, bên B phải huy động nhân lực thêm theo đúng yêu cầu. Trường hợp bên B không thể huy động thêm nhân lực khi có yêu cầu, bên B có quyền tổ chức tăng ca hợp lý để đẩy nhanh tiến độ.

Trường hợp khi BCH công trình của bên A yêu cầu huy động thêm nhân lực nhưng bên B vẫn không huy động thêm cũng không tổ chức tăng ca để đẩy nhanh tiến độ, trong vòng 07 ngày BCH công trình có quyền huy động đơn vị thứ 3 thực hiện thay một phần công việc của bên B. Chi phí trả cho bên thứ 3 sẽ được khấu trừ vào khối lượng thực hiện của bên B.

b. Máy thi công: toàn bộ máy móc phục vụ thi công của bên B do bên B tự trang bị và phải đảm bảo đủ điều kiện sử dụng theo quy trình an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ đã được ban hành.

Điều 3. Giá trị hợp đồng

Giá trị hợp đồng: **12.290.094.465 đồng** (Bằng chữ: Mười hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, không trăm chín mươi tư ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng.).

1. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm:

- Toàn bộ các công việc phụ trợ liên quan để thực hiện hoàn thành các công việc nêu trong hợp đồng.

- Chi phí nhân công thực hiện các công tác nêu trong hợp đồng, bao gồm các công tác phụ trợ như: vận chuyển vật tư từ bãi tập kết mỗi tầng đến vị trí thi công, chi phí dọn dẹp vệ sinh trong và xung quanh khu vực thi công; bố trí mặt bằng thi công,...

- Chi phí vật tư phụ ngoài phạm vi cung cấp của bên A.

- Trang thiết bị an toàn lao động, bảo hộ lao động cho cán bộ kỹ thuật và công nhân của bên B.

- Chi phí quản lý, giám sát nội bộ, thuế, lợi tức, bảo hiểm các loại và các chi phí khác cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng của bên B.

2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá.

Điều 4. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán

1. Hình thức thanh toán: chuyển khoản, đồng tiền thanh toán là tiền Việt Nam đồng.
2. Phương thức tạm ứng, thanh toán:
 - Sau khi Bên B thi công xong một hoặc một phần công việc theo hợp đồng, Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng được nghiệm thu. Tiền thanh toán trong kỳ sẽ khấu trừ các khoản phạt hoặc bồi thường (nếu có).
3. Hồ sơ thanh toán/quyết toán bao gồm: 02 bộ, mỗi bộ gồm:
 - Bảng xác định khối lượng công việc thực hiện được bên A xác nhận.
 - Giấy đề nghị thanh toán của bên B.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ tương ứng giá trị đề nghị thanh toán.
 - Bản vẽ hoàn công của các công việc tương ứng đã thực hiện.

Điều 5. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 330 ngày, kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng.
2. Thời gian thi công được kéo dài trong các trường hợp sau:
 - Do sự kiện bất khả kháng hoặc lý do được các bên liên quan đánh giá là do khách quan.
 - Do bên A yêu cầu tạm ngưng thi công bằng văn bản hoặc các cuộc họp tại công trường các bên liên quan thống nhất tạm dừng để điều chỉnh hoặc thay đổi thiết kế.
 - Do bên A cung cấp vật tư chậm dẫn đến bên B phải tạm ngưng thi công (việc tạm ngưng phải được lập biên bản có sự xác nhận của tư vấn giám sát và Ban quản lý dự án).
3. Bên B phải chấp nhận tạm thời đình hoãn công tác thi công và không được đòi bồi hoàn thiệt hại hay kéo dài tiến độ theo yêu cầu của bên A trong một số trường hợp sau:
 - Do thời tiết (ngoài sự kiện bất khả kháng) bắt buộc phải tạm dừng để đảm bảo an toàn cho công nhân lao động hoặc chất lượng công trình.
 - Do bên A nhận thấy quá trình thi công của bên B không tuân thủ quy trình an toàn, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc nội quy công trường có thể gây mất an toàn lao động, ảnh hưởng đến chất lượng công trình hoặc an ninh trật tự.
 - Quá trình thi công của bên B không chú trọng đến vấn đề an toàn – vệ sinh lao động của công trình để bên A phải nhắc nhở đến lần thứ 3.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp đầy đủ các giấy tờ pháp lý cần thiết như hồ sơ thiết kế kỹ thuật, các bản vẽ thay đổi, phát sinh và các biện pháp thi công, quy trình đã được các bên liên quan phê duyệt riêng cho dự án này.
- Cử cán bộ trắc đạc định vị cao độ, đường trục, đường chân tường và bàn giao mặt bằng (bằng văn bản) cho bên B.
- Cung cấp đầy đủ vật tư, coffa, dụng cụ thi công theo đúng yêu cầu của hợp đồng.
- Cử cán bộ giám sát việc thi công tại công trình, hướng dẫn bên B giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công. Nghiệm thu công trình theo từng điểm dừng kỹ thuật khi có yêu cầu của bên B.
- Thanh quyết, toán đúng theo hợp đồng.

- Các quyền dành cho chủ đầu tư đã được quy định rõ trong các văn bản pháp luật hiện hành, các quyền đã được nêu trong quy trình phối hợp và các quy trình, nội quy khác đã được Ban quản lý dự án, Tư vấn giám sát và Ban chỉ huy của công trình này đã thống nhất phê duyệt.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Tổ chức mọi công việc sau khi đã nhận việc, thi công đúng thiết kế, đạt chất lượng, kỹ - mỹ thuật, tiến độ thi công và đảm bảo vệ sinh an toàn lao động tại công trường.

- Phải cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại hiện trường để triển khai công việc thi công và tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát cùng với BCH công trình và tư vấn giám sát. Tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tuần hoặc đột xuất theo giấy mời (người đại diện theo pháp luật của bên B hoặc cán bộ phụ trách theo quyết định phân công).

- Cung cấp danh sách công nhân và các hồ sơ kèm theo của các công nhân có trong danh sách gồm: bản photo chứng minh nhân dân; hợp đồng lao động giữa bên B với công nhân lao động; giấy khám sức khỏe; giấy chứng nhận bồi dưỡng về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật; bảo hiểm tại nạn.

- Cung cấp cho công nhân các trang bị bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu đã thể hiện trong nội quy công trường, nội quy về an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ đã được Ban quản lý dự án của bên A phê duyệt; đồng thời phổ biến rõ các nội quy này cho công nhân và hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác an toàn lao động cho công nhân của mình thi công trên công trường nếu xảy ra sự cố.

- Sử dụng vật tư, dụng cụ thi công đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

- Thu dọn mặt bằng thi công gọn gàng sau mỗi ngày làm việc. Các dụng cụ thi công cuối mỗi ngày thi công phải được sắp xếp gọn gàng và tách biệt với vật tư cũng như rác hay xà bần; khi không sử dụng nữa phải vệ sinh sạch sẽ và chuyển về kho bãi trên công trường.

- Cùng với BCH công trình tham gia vào quá trình kiểm tra, giám sát công tác an toàn, vệ sinh lao động trên mỗi tầng thi công do mình thực hiện đối với các đơn vị thi công khác.

- Sửa chữa kịp thời những sai sót khi bên A phát hiện mà không được tính thêm tiền công và các nguyên vật liệu thay thế.

- Phối hợp và tạo điều kiện cùng các Nhà thầu khác do bên A, Chủ đầu tư lựa chọn để thực hiện các hạng mục khác như: M&E, trần, cửa, thang máy,... để cùng thực hiện hoàn thành công trình theo tiến độ đề ra. Bên B phải đệ trình chi tiết các công tác cần phối hợp và các biện pháp để thực hiện, tiến độ thực hiện để Ban chỉ huy công trình của bên A phê duyệt.

Điều 8. Chất lượng – kỹ, mỹ thuật và công tác nghiệm thu

1. Việc tổ chức nghiệm thu được thực hiện theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng cùng các quy trình phối hợp, quy trình thi công, nghiệm thu đã được thống nhất.

2. Bên B chỉ được thi công các công đoạn tiếp theo khi công đoạn trước đã hoàn thành và được BCH công trình, tư vấn giám sát nghiệm thu. Việc nghiệm thu có thể thực hiện theo từng trục, từng khu vực hay toàn bộ tùy thuộc vào tiến độ thi công và sự sắp xếp của bên B.

3. Việc định vị và đánh dấu cao độ, đường trục, đường chân tường là thuộc trách nhiệm của bên A. Tuy nhiên để hạn chế sai sót và công việc thi công chất lượng tốt, bên B cần phải kiểm tra đối chiếu lại cao độ, đường chân tường sau khi nhận bàn giao và báo BCH công trình xử lý trước khi triển khai thực hiện nếu thấy có sự sai lệch giữa đường trục và đường chân tường, giữa đường chân tường và dầm sàn tầng dưới với tầng trên.

4. Toàn bộ kích thước cửa trên bản vẽ do bên A cung cấp là kích thước hoàn thiện Bên B cần thực hiện, việc điều chỉnh kích thước để thuận tiện cho việc lắp dựng là trách nhiệm của bên cung cấp lắp dựng cửa, không phải trách nhiệm của bên B.

5. Các công việc bắt buộc trên bản vẽ không thể hiện nhưng bên B phải thực hiện gồm: đóng lưới chống nứt tường nơi giáp nối giữa bê tông và tường gạch, đóng lưới chống nứt hai bên bệ cửa sổ và một số công việc khác nhằm tăng sự an toàn về mặt kỹ thuật hoặc thẩm mỹ.

Điều 9. Bảo hành công trình:

1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hạng mục được bên A xác nhận. Trong thời gian bảo hành, nếu Bên B kéo dài thời gian sửa chữa, việc sửa chữa không đạt yêu cầu, hoặc bên B khắc phục chậm trễ những hư hỏng thuộc trường hợp bảo hành thì bên A có quyền tự sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác sửa chữa, chi phí sửa chữa được khấu trừ vào tiền bảo hành bên A còn giữ lại của bên B.
2. Mọi khuyết tật có thể xuất hiện trong thời gian bảo hành, sau khi nghiệm thu bàn giao công trình, theo quan điểm của Bên A, là do tay nghề, là do thi công không phù hợp với bản vẽ và điều kiện kỹ thuật, hoặc nếu xảy ra trong thời gian nói trên sẽ phải được sửa chữa hoàn chỉnh bởi chi phí của Bên B trừ khi Bên A có quyết định khác. Nếu Bên B không sửa chữa, Bên A sẽ tự sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác sửa chữa, mọi chi phí và thiệt hại sẽ được Bên A khấu trừ vào số tiền bảo hành còn giữ lại.
3. Các công việc sửa chữa trong thời gian bảo hành sẽ được Bên B thực hiện sau 03 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu của Bên A.

Điều 10. Phạt vi phạm hợp đồng:

Tổng giá trị phạt do vi phạm hợp đồng về tiến độ, chất lượng chi tiết như các nội dung dưới đây nhưng không được vượt quá 12% giá trị được quyết toán, ngoại trừ các khoản chi phí đền bù thiệt hại đi kèm hoặc phạt khác không liên quan đến tiến độ, chất lượng.

1. Phạt vi phạm hợp đồng về tiến độ do lỗi của bên B:

- Phạt 1.000.000 đồng/1 ngày chậm trễ và khấu trừ vào đợt thanh toán gần nhất.
- Ngoài việc phạt do trễ tiến độ, bên A có quyền điều chỉnh lại công tác thi công để đẩy nhanh tiến độ như trong Điều 2.

2. Phạt vi phạm hợp đồng do lỗi kỹ thuật, thẩm mỹ:

- Bên B phải thực hiện lại những công việc bị sai sót về kỹ thuật, thẩm mỹ mà không được tính thêm chi phí và chịu mọi chi phí vật tư để thi công lại.

- Trường hợp những sai sót về kỹ thuật, thẩm mỹ do lỗi của bên B nhưng làm ảnh hưởng đến công việc của bên thứ 3 thì bên B phải chịu mọi chi phí liên quan cho bên thứ 3.

- Những sai sót về mặt kỹ thuật, mỹ thuật do lỗi của bên B nhưng không thể tiến hành khắc phục được và Ban quản lý dự án đồng ý cho giữ nguyên thì bên B không cần khắc phục nhưng bên B sẽ bị phạt 10.000.000 đồng/1 trường hợp.

3. Phạt vi phạm về công tác an toàn, vệ sinh lao động:

- Trường hợp bên B vi phạm về nội quy công trường, nội quy an toàn, vệ sinh lao động bị BCH công trình, tư vấn giám sát hoặc Ban quản lý dự án, chủ đầu tư nhắc nhở lập biên bản thì bên B bị phạt theo mức phạt đã được Ban quản lý dự án ban hành tại công trường.

Điều 11. Điều khoản chung

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có khó khăn vướng mắc thì hai bên gặp nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác hỗ trợ. Nếu không đạt được thỏa thuận chung thì sẽ chuyển vụ việc tới toà án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết, quyết định của toà án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ.

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định và bên A đã thanh toán hết toàn bộ giá trị hợp đồng theo quyết toán cho bên B.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên A giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN B

Vũ Đức Hải



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Thị Tuyết Trinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG

Công trình: Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III - Block F

Hạng mục: Phần nhân công xây dựng.

ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Vét đất sửa hồ móng, đầm đất thủ công	m2	1.077,000	40.000	43.080.000
2	Đào đất bằng thủ công	m3	92,300	300.000	27.690.000
3	Vệ sinh, bơm nước đầu cọc	cọc	201,000	300.000	60.300.000
4	Lắp dựng thép tấm bit đầu cọc	cọc	201,000	250.000	50.250.000
5	Beton lót các loại	m2	1.077,000	40.000	43.080.000
6	Bê tông đầu cọc	m3	201,000	650.000	130.650.000
7	Gia công định hình ván khuôn cột lần đầu	m2	174,900	95.000	16.615.500
8	Ván khuôn móng, dầm móng, cột, dầm, sàn các	m2	17.245,640	105.000	1.810.792.200
9	SXLD cốt thép các loại	tấn	384,025	4.000.000	1.536.100.000
10	Beton móng, dầm móng, dầm sàn	m3	2.018,716	300.000	605.614.800
11	Beton cột, vách, cầu thang	m3	323,261	400.000	129.304.400
12	Xây tường chặn đất	m3	44,800	1.200.000	53.760.000
13	Xoa chống nứt nền sàn	m2	1.080,000	15.000	16.200.000
14	Xây tường gạch tuy nen dày 200	m2	1.335,000	110.000	146.850.000
15	Xây tường gạch không nung dày 200	m2	571,000	120.000	68.520.000
16	Xây tường gạch không nung dày 150	m2	4.523,000	90.000	407.070.000
17	Xây tường gạch tuynel dày 120	m2	595,000	110.000	65.450.000
18	Xây tường hộp gain	m2	530,000	100.000	53.000.000
19	Xây tường 100 gạch tuy nen	m2	3.316,000	90.000	298.440.000
20	Xây bậc cấp, bậc cầu thang, tường gạch thẻ	m3	51,000	1.500.000	76.500.000
21	Trát tường ngoài và cầu kiện bê tông mặt ngoài	m2	3.000,000	100.000	300.000.000
22	Trát tường trong	m2	18.200,000	85.000	1.547.000.000
23	Trát cột, bổ trụ	m2	1.450,000	90.000	130.500.000
24	Trát hộp gain	m2	590,000	90.000	53.100.000
25	Trát cạnh cửa, cạnh cột, cạnh lanh tô	md	13.500,000	30.000	405.000.000
26	Trát trần và trát đáy, thành, bậc cầu thang	m2	1.800,000	90.000	162.000.000
27	Kê ron âm tường, đắp chỉ nước	m	3.696,000	25.000	92.400.000
28	Láng nền sàn các loại	m2	7.050,000	35.000	246.750.000
29	Lát gạch nền nhà, nền logia, nền hành lang, phòng kỹ thuật	m2	6.600,000	95.000	627.000.000
30	Lát, ốp gạch khu vệ sinh	m2	3.000,000	100.000	300.000.000
31	Công tác ốp gạch lên tường	md	6.000,000	30.000	180.000.000
32	Vệ sinh, chống thấm	m2	2.100,000	45.000	94.500.000
33	Khoan cấy râu tường, lanh tô	lỗ	13.800,000	8.000	110.400.000
34	VK, CT, BT lanh tô, bổ trụ, đà giằng	md	1.872,300	150.000	280.845.000
35	Đóng lưới chống nứt tô tường	m	15.000,000	10.000	150.000.000
36	Bốc xếp và vận chuyển lên cao xi măng	tấn	307,000	150.000	46.050.000
37	Bốc xếp và vận chuyển lên cao cát các loại, than	m3	1.116,000	150.000	167.400.000

ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
38	Bóc xếp và vận chuyển lên cao sỏi, đá dăm các	m3	175,000	160.000	28.000.000
39	Bóc xếp và vận chuyển lên gạch xây các loại	1000 v	620,000	180.000	111.600.000
40	Bóc xếp và vận chuyển lên gạch ốp, lát các loại	10m 2	941,000	60.000	56.460.000
41	Bóc xếp và vận chuyển lên đá ốp, lát các loại	10m 2	20,000	60.000	1.200.000
42	Bóc xếp và vận chuyển lên cao sơn các loại, bột (bột đá, bột bả, ...)	tấn	11,000	150.000	1.650.000
43	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	681,965	250.000	170.491.250
44	Bóc xếp và vận chuyển lên cao cửa các loại	m2	1.695,000	160.000	271.200.000
	TỔNG CỘNG				11.172.813.150
	THUẾ VAT 10%				1.117.281.315
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				12.290.094.465

Bằng chữ:

Mười hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, không trăm chín mươi tư ngàn ~~hơn~~ trăm sáu mươi lăm đồng.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Thị Tuyết Trinh



ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví Đức Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỢT 4

Công trình: Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III - Block F

- Căn cứ khối lượng thực tế thực hiện tại công trình.
- Căn cứ khối lượng thực hiện chi tiết đã được các bên thống nhất.
- Các bên cùng thống nhất xác nhận giá trị được thanh toán trong đợt này như sau:

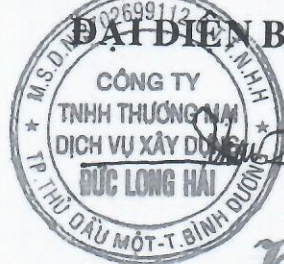
ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Láng nền sàn các loại	m2	7.050,000	35.000	246.750.000
2	Lát gạch nền nhà, nền logia, nền hành lang, phòng kỹ thuật	m2	6.600,000	95.000	627.000.000
3	Lát, ốp gạch khu vệ sinh	m2	3.000,000	100.000	300.000.000
	Công tác ốp gạch lên tường	md	6.000,000	30.000	180.000.000
	Vệ sinh, chống thấm	m2	2.100,000	45.000	94.500.000
	TỔNG CỘNG				1.448.250.000
	THUẾ VAT 10%				144.825.000
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				1.593.075.000

Bảng chữ: Một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Thị Tuyết Trinh

ĐẠI DIỆN BÊN B



Vi Đức Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

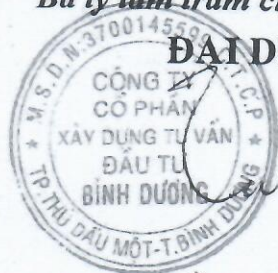
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỢT 3**Công trình: Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III - Block F**

- Căn cứ khối lượng thực tế thực hiện tại công trình.
- Căn cứ khối lượng thực hiện chi tiết đã được các bên thống nhất.
- Các bên cùng thống nhất xác nhận giá trị được thanh toán trong đợt này như sau:

ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Trát tường ngoài và cấu kiện bê tông mặt ngoài	m2	3.000,000	100.000	300.000.000
2	Trát tường trong	m2	18.200,000	85.000	1.547.000.000
3	Trát cột, bổ trụ	m2	1.450,000	90.000	130.500.000
	Trát hộp gain	m2	590,000	90.000	53.100.000
5	Trát cạnh cửa, cạnh cột, cạnh lanh tô	md	13.500,000	30.000	405.000.000
6	Trát trần và trát đáy, thành, bậc cầu thang	m2	1.800,000	90.000	162.000.000
7	Kẻ ron âm tường, đắp chỉ nước	m	3.696,000	25.000	92.400.000
8	Bốc xếp và vận chuyển lên cao xi măng	tấn	307,000	150.000	46.050.000
9	Bốc xếp và vận chuyển lên cao cát các loại, than xi	m3	1.116,000	150.000	167.400.000
10	Bốc xếp và vận chuyển lên cao sỏi, đá dăm các loại	m3	175,000	160.000	28.000.000
11	Bốc xếp và vận chuyển lên gạch xây các loại	1000 v	620,000	180.000	111.600.000
12	Bốc xếp và vận chuyển lên gạch ốp, lát các loại	10m 2	941,000	60.000	56.460.000
13	Bốc xếp và vận chuyển lên đá ốp, lát các loại	10m 2	20,000	60.000	1.200.000
14	Bốc xếp và vận chuyển lên cao sơn các loại, bột bột đá, bột bả, ...)	tấn	11,000	150.000	1.650.000
15	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	681,965	250.000	170.491.250
16	Bốc xếp và vận chuyển lên cao cửa các loại	m2	1.695,000	160.000	271.200.000
	TỔNG CỘNG				3.544.051.250
	THUẾ VAT 10%				354.405.125
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				3.898.456.375

Bảng chữ:*Ba tỷ tám trăm chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng***ĐẠI DIỆN BÊN A****TỔNG GIÁM ĐỐC***Dặng Thị Tuyết Trinh***ĐẠI DIỆN BÊN B***Vi Đức Hải*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỢT 2

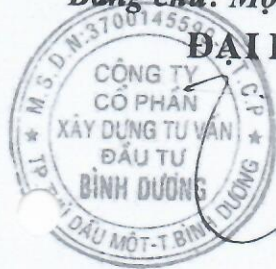
Công trình: Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III - Block F

- Căn cứ khối lượng thực tế thực hiện tại công trình.
- Căn cứ khối lượng thực hiện chi tiết đã được các bên thống nhất.
- Các bên cùng thống nhất xác nhận giá trị được thanh toán trong đợt này như sau:

ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Xây tường gạch tuynen dày 200	m2	1.335,000	110.000	146.850.000
2	Xây tường gạch không nung dày 200	m2	571,000	120.000	68.520.000
3	Xây tường gạch không nung dày 150	m2	4.523,000	90.000	407.070.000
4	Xây tường gạch tuynel dày 120	m2	595,000	110.000	65.450.000
5	Xây tường hộp gain	m2	530,000	100.000	53.000.000
6	Xây tường 100 gạch tuynen	m2	3.316,000	90.000	298.440.000
7	Xây bậc cấp, bậc cầu thang, tường gạch thẻ	m3	51,000	1.500.000	76.500.000
5	Khoan cấy râu tường, lanh tô	lỗ	13.800,000	8.000	110.400.000
6	VK, CT, BT lanh tô, bổ trụ, đà giằng	md	1.872,300	150.000	280.845.000
7	Đóng lưới chống nứt tô tường	m	15.000,000	10.000	150.000.000
	TỔNG CỘNG				1.657.075.000
	THUẾ VAT 10%				165.707.500
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				1.822.782.500

Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng

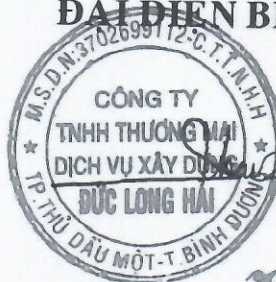
ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Tuyết Trinh

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ví Đức Hải

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỢT 1**Công trình: Khu chung cư giá thấp Hiệp Thành III - Block F**

- Căn cứ khối lượng thực tế thực hiện tại công trình.
- Căn cứ khối lượng thực hiện chi-tiết đã được các bên thống nhất.
- Các bên cùng thống nhất xác nhận giá trị được thanh toán trong đợt này như sau:

ST T	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Vét đất sửa hồ móng, đầm đất thủ công	m2	1.077,000	40.000	43.080.000
2	Đào đất bằng thủ công	m3	92,300	300.000	27.690.000
3	Vệ sinh, bơm nước đầu cọc	cọc	201,000	300.000	60.300.000
4	Lắp dựng thép tấm bít đầu cọc	cọc	201,000	250.000	50.250.000
5	Beton lót các loại	m2	1.077,000	40.000	43.080.000
6	Bê tông đầu cọc	m3	201,000	650.000	130.650.000
7	Gia công định hình ván khuôn cột lần đầu	m2	174,900	95.000	16.615.500
8	Ván khuôn móng, dầm móng, cột, dầm, sàn các loại	m2	17.245,640	105.000	1.810.792.200
9	SXLD cốt thép các loại	tấn	384,025	4.000.000	1.536.100.000
10	Beton móng, dầm móng, dầm sàn	m3	2.018,716	300.000	605.614.800
11	Beton cột, vách, cầu thang	m3	323,261	400.000	129.304.400
12	Xây tường chặn đất	m3	44,800	1.200.000	53.760.000
13	Xoa chống nứt nền sàn	m2	1.080,000	15.000	16.200.000
	TỔNG CỘNG				4.523.436.900
	THUẾ VAT 10%				452.343.690
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				4.975.780.590

Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ngàn năm trăm chín mươi đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A*AK*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Thị Tuyết Trinh

ĐẠI DIỆN BÊN B*Vi Đức Hải*















